1. **Chỉ có pháp luật mới mang tính quy phạm.**
2. **Ngôn ngữ pháp lý rõ ràng, chính xác thể hiên tính quy phạm phổ biến của pháp luật.**
3. **Văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan Nhà nước, các cá nhân tổ chức ban hành.**
4. **Nhà nước bảo đảm cho pháp luật được thực hiện bằng những biện pháp như giáo dục thuyết phục, khuyến khích và cưỡng chế.**
5. **Pháp luật Việt Nam thừa nhận tập quán, tiền lệ là nguồn chủ yếu của pháp luật.**
6. **Pháp luật Việt Nam chỉ thừa nhận nguồn hình thành pháp luật duy nhất là các văn bản quy phạm pháp luật.**
7. **Tập quán là những quy tắc xử sự được xã hội công nhận và truyền từ đời này sang đời khác.**
8. **Tiền lệ là những quy định hành chính và án lệ.**
9. **Những quan hệ pháp luật mà Nhà nước tham gia thì luôn thể hiện ý chỉ của Nhà nước.**
10. **Quan hệ pháp luật phản ánh ý chí của các bên tham gia quan hệ.**
11. **Công dân đương nhiên là chủ thể của mọi quan hệ pháp luật.**
12. **Cá nhân tham gia vào quan hệ pháp luật sẽ trở thành chủ thể của quan hệ pháp luật.**
13. **Năng lực hành vi của mọi cá nhân là như nhau.**
14. **Năng lực pháp luật của mọi pháp nhân là như nhau.**
15. **Năng lực pháp luật của chủ thể là khả năng thực hiện các quyền và nghĩa vụ do chủ thể đó tự quy định.**
16. **Năng lực pháp luật của chủ thể trong quan hệ pháp luật phụ thuộc vào pháp luật của từng quốc gia.**
17. **“Năng lực hành vi của chủ thể” phụ tuộc vào độ tuổi, tình trạng sức khỏe, trình độ của chủ thể.**
18. **Chủ thể không có năng lực hành vi thì không thể tham gia vào các quan hệ pháp luật.**
19. **Năng lực pháp luật phát sinh kể từ khi các cá nhân được sinh ra.**
20. **Năng lực pháp luật của Nhà nước là không thể bị hạn chế.**
21. **Nội dung của quan hệ pháp luật đồng nhất với năng lực pháp luật vì nó bao gồm quyền và nghĩa vụ pháp lý.**
22. **Nghĩa vụ pháp lý của chủ thể chính là hành vi pháp lý.**
23. **Khách thể của quan hệ pháp luật là những yếu tố thúc đẩy cá nhân, tổ chức tham gia vào quan hệ pháp luật.**
24. **Sự kiện pháp lý là yếu tố thúc đẩy chủ thể tham gia vào các quan hệ pháp luật.**
25. **Các quan hệ pháp luật xuất hiện do ý chí các cá nhân.**
26. **Đối với cá nhân, năng lực hành vi gắn với sự phát triển của con người và do các cá nhân đó tự quy định.**
27. **Người bị hạn chế về năng lực hành vi thì không bị hạn chế về năng lực pháp luật.**
28. **Người bị kết án tù có thời hạn chỉ bị hạn chế về năng lực hành vi, không bị hạn chế năng lực pháp luật.**
29. **Người say rượu là người có năng lực hành vi hạn chế.**
30. **Người đủ từ 18 tuổi trở lên là chủ thể của mọi quan hệ pháp luật.**
31. **Nhà nước là chủ thể của mọi quan hệ pháp luật.**
32. **Nghĩa vụ pháp lý đồng nhất với hành vi pháp lý của chủ thể.**
33. **Chủ thể của hành vi pháp luật luôn là chủ thể của quan hệ pháp luật và ngược lại.**
34. **Năng lực pháp luật của người đã thành niên thì rộng hơn người chưa thành niên.**
35. **Năng lực pháp luật của các cá nhân chỉ được quy định trong các văn bản pháp luật.**
36. **Mọi hành vi vi phạm pháp luật đều là những hành vi trái pháp luật.**
37. **Mọi biện pháp cưỡng chế của Nhà nước đều là biện pháp trách nhiệm pháp lý.**
38. **Những quan điểm tiêu cực của chủ thể vi phạm pháp luật được xem là biểu hiện bên ngoài (mặt khách quan) của vi phạm pháp luật.**
39. **Hậu quả do hành vi vi phạm pháp luật gây ra đều phải là sự thiệt hại về vật chất.**
40. **Chủ thể của vi phạm pháp luật có thể chịu đồng thời nhiều trách nhiệm pháp lý.**
41. **Không thấy trước hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội thì không bị xem là có lỗi.**
42. **Hành vi chưa gây thiệt hại cho xã hội thì chưa bị xem là vi phạm pháp luật.**
43. **Phải là người đủ 18 tuổi trở lên thì mới được coi là chủ thể của vi phạm pháp luật.**
44. **Sự thiệt hại thực tế xảy ra cho xã hội là dấu hiệu bắt buộc trong mặt khách quan của vi phạm pháp luật.**
45. **Một hành vi vừa có thể đồng thời là vi phạm pháp luật hình sự vừa là vi phạm pháp luật hành chính, nhưng không thể đồng thời là vi phạm pháp luật dân sự, vừa là vi phạm pháp luật hình sự**
46. **Trách nhiệm pháp lý là bộ phận chế tài trong quy phạm pháp luật.**
47. **Mọi biện pháp cưỡng chế của Nhà nước đều là biện pháp trách nhiệm pháp lý và ngược lại.**
48. **Mọi hành vi vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm pháp lý.**
49. **Mọi hành vi trái pháp luật đều là hành vi vi phạm pháp luật.**
50. **Quan điểm tiêu cực của các chủ thể vi phạm pháp luật được xem là biểu hiện bên ngoài của vi phạm pháp luật.**
51. **Mọi hậu quả do vi phạm pháp luật gây ra đều phải được thực hiện dưới dạng vật chất.**
52. **Một vi phạm pháp luật không thể đồng thời gánh chịu nhiều loại trách nhiệm pháp lý.**
53. **Tiền lệ pháp là hình thức pháp luật lạc hậu, thể hiện trình độ pháp lý thấp.**
54. **Pháp luật luôn tác động tích cực đối với kinh tế, thúc đẩy kinh tế phát triển.**
55. **Pháp luật là tiêu chuẩn (chuẩn mực) duy nhất đánh giá hành vi của con người.**
56. **Tiền lệ pháp là hình thức pháp luật lạc hậu, thể hiện trình độ pháp lý thấp.**
57. **Các quy phạm xã hội luôn đóng vai trò hỗ trợ việc thực hiện pháp luật.**